

Bản án số: 106/2026/HS-PT
Ngày: 02 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 01 năm 2026 và ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 245A/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo Lưu Quang T do có kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 187/2025/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lưu Quang T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/3/1993 tại Đồng Nai.

Giới tính: Nam;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai).

Nơi ở hiện tại: Khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trung úy, Điều tra viên Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số: 3097/QĐ-CAT-PX01 ngày 17/9/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Đ).

Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ3, bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 161/QĐ-UBKTHU ngày 07/3/2025 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy

L1, tỉnh Đồng Nai.

Con ông: Lưu Minh T1, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Lê Thiên T2, sinh năm: 1995; Con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/9/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đ (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa của bị cáo Lưu Quang T:** Luật sư Trần Văn D - Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- **Bị hại:** Ông Vũ Minh Đ1, sinh năm: 1993; nơi thường trú: Xã Đ, huyện K (nay là xã Q), tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện tại: Hẻm A, Tổ A, Ấp H, xã A, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai (đã chết).

Người đại diện của bị hại:

1/ Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1974 (mẹ của bị hại), (có mặt);

Địa chỉ: Xóm A, xã Đ, huyện K (nay là xã Q), tỉnh Ninh Bình.

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1995 (vợ của bị hại), ((có mặt);

3/ Cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 09/02/2017 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 09/6/2021 (con của bị hại).

Người đại diện của cháu K, L: Bà Nguyễn Thị Thanh P;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng).

Đại diện theo ủy quyền của bà M1, bà P: Ông Vũ Hoàng P1, sinh năm 2000 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm A, xã Đ, huyện K (nay là xã Q), tỉnh Ninh Bình;

Nơi ở hiện tại: Thien T, thôn Đ, xã V, huyện N (nay là xã T), tỉnh Ninh Bình (theo giấy ủy quyền ngày 12/3/2025).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại:*

1. Luật sư Nguyễn Đình T3 - Công ty L2, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Luật sư Phạm Công C – Công ty L2, Đoàn Luật sư T (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, ngõ B, đường L, phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hà Nội.

- **Người làm chứng được triệu tập tham dự phiên tòa gồm:**

1. Ông Đào Quyết C1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: A N, Phường A, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Thái Thanh T4, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Thắm Tuấn A, sinh năm 1982 (có mặt);
Địa chỉ: Tổ D, khu B, xã A, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai.
4. Ông Trần Bùi Thế H, sinh năm 1988 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp E, xã A, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai.
5. Ông Lưu Ngọc S, sinh năm 1995 (có mặt);
Địa chỉ: Số D N, phường T, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường R, TP Hồ Chí Minh).
6. Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1997 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện X (nay là xã X), tỉnh Đồng Nai.
7. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1994 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai.
8. Ông Nguyễn Trường M2, sinh năm 1987 (vắng mặt);
Địa chỉ: Khu C, thị trấn L, huyện L (nay là xã L), tỉnh Đồng Nai.
9. Ông Đỗ Văn S1, sinh năm 1987 (vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, TP B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

(Khi tuyên án có mặt: bị cáo Lưu Quang T, Luật sư Trần Văn D, bà Phạm Thị M1, bà Nguyễn Thị Thanh P; Những người khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố đối với 12 bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, xảy ra ngày 07/10/2023 tại quán K2 thuộc ấp E, xã A, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai; phân công các Điều tra viên Thái Thanh T4 và Lưu Quang T, thuộc Đ4 Công an huyện L, thụ lý, điều tra. Ngày 19/3/2024, VKSND huyện Long Thành trả hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để điều tra bổ sung, trong đó có nội dung tiếp tục xác minh, làm rõ nhân thân, hành vi có dấu hiệu phạm tội của Vũ Minh Đ1, sinh năm 1993, T5 tại: ấp H, xã A, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai. Ngày 21/3/2024, Điều tra viên Thái Thanh T4 ký giấy triệu tập ông Vũ Minh Đ1 đến Đội Cảnh sát Hình sự Công an huyện L để làm việc.

Khoảng 11 giờ ngày 22/3/2024, ông Đ1 cùng ông Đào Quyết C1, là anh họ của Đ1, đến Đ4 (Phòng số 01) để làm việc theo giấy triệu tập. Điều tra viên T4 phân công T làm việc với ông Đ1.

T yêu cầu ông C1 ra ngoài ngồi chờ, đồng thời yêu cầu ông Đ1 đến bàn làm việc của T, ngồi trên ghế gỗ có lưng tựa đối diện với T, hướng quay về phía cửa ra vào. Một lúc sau, ông Lưu Ngọc S, là sinh viên thực tập tại Công an

huyện L đi vào ngồi ở bàn làm việc chung của Đội ở giữa phòng, chờ phân công nhiệm vụ.

Quá trình làm việc, do ông Đ1 không khai nhận hành vi vi phạm nên T đã yêu cầu ông Đ1 đứng lên, để hai tay trên mặt bàn, lưng hơi khom hướng ra cửa chính của phòng làm việc; T cúi người xuống lấy cây gậy cao su (hình trụ màu đen, chất liệu cao su dẻo, đường kính khoảng 03cm, chiều dài khoảng 51cm, một đầu có lỗ móc dây màu xanh lá cây) từ dưới gầm bàn làm việc chung ở giữa phòng, đánh nhiều cái vào vùng mông và đùi sau của ông Đ1, theo hướng từ sau ra trước, từ trên xuống, góc đánh khoảng 45 độ. Sau đó, T yêu cầu ông Đ1 đi lại khu vực cửa sổ phía sau, bên trái bàn làm việc của T rồi dùng chiếc khoá số 8 (để dưới gầm bàn làm việc chung) còng cổ tay trái của ông Đ1 lên trên cao của song cửa sổ, khiến chân của ông Đ1 phải nhón lên. Ông Đ1 vẫn không khai nhận thì T tiếp tục dùng gậy cao su đánh nhiều lần vào vùng đùi, mông của ông Đ1, theo hướng để gậy nằm ngang, từ sau ra trước. Trong lúc bị đánh, ông Đ1 nói “Em chết cũng được, sau như thế nào mặc kệ” và le lưỡi ra để tự cắn vào lưỡi. Thấy vậy, T nói với ông S đi ra ngoài lấy thêm còng với mục đích dọa ông Đ1 nhưng ông S không thực hiện. Khoảng 11 giờ 50 phút, T cầm theo gậy cao su đi về phòng nghỉ tập thể để thay đồ thường phục. Khi quay trở lại Phòng số 01 thì được ông S cho biết ông Đ1 đã dùng tay phải đập vào cửa kính và tự đập đầu vào khung cửa sổ. Do đó, T đã lấy 01 chiếc mũ bảo hiểm để trên tủ hồ sơ trong Phòng số 01, gần vị trí ông Đ1 đang bị còng tay, đội lên đầu cho ông Đ1 rồi tiếp tục lập lý lịch, ghi lời khai nhưng ông Đ1 không khai nhận gì. Trong quá trình đánh và còng tay ông Đ1, T đóng kín cửa Phòng số 01. Khi có người muốn vào phòng, T tháo còng tay và cho ông Đ1 ngồi vào bàn làm việc, sau đó ra mở cửa hoặc nhờ ông S mở cửa; khi không còn ai, T tiếp tục còng tay (trái hoặc phải) của ông Đ1 lên song cửa sổ. Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, thấy ông Đ1 nghiêng người về bên trái rồi ngất xỉu, T chạy đến ôm giữ và gọi ông S giúp. T đưa chìa khoá để ông S mở còng số 8; sau đó, ôm ông Đ1 đặt nằm dựa vào bờ tường gần cửa ra vào và đi ra ngoài tìm người hỗ trợ đưa ông Đ1 đi cấp cứu. Ông Đ1 được đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện L rồi được chuyển lên Bệnh viện C2, TP Hồ Chí Minh để cấp cứu, đến 23 giờ 15 phút cùng ngày thì tử vong.

Kết quả khám nghiệm tử thi ông Vũ Minh Đ1 phù hợp Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 26/KLTgTHS-PVPYQG ngày 27/5/2024 của P2 tại Tp .; theo đó kết luận: Tổn thương của anh Vũ Minh Đ1, xây xát, bầm tím nhiều nơi trên cơ thể, chấn thương phần mềm, bầm, tụ máu hai mông và hai đùi diện rộng rất nặng, bầm tụ máu dưới da ngực phải và xương ức, bầm tím vùng trung thất, xuất huyết tụ máu trong cơ tim và mô kẽ...

...Các tổn thương phần mềm, bầm, tụ máu hai mông và hai đùi diện rộng rất nặng là những tổn thương chính góp phần gây tử vong...

Cơ chế và thời gian hình thành các vết xây xát và các vết xuất huyết, bầm tụ máu: Do vật tày tác động theo kiểu cọ xát trực tiếp gây nên... hình thành trước 13 giờ 15 phút ngày 22/3/2024, khoảng thời gian trong vòng 06 giờ.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 02/KLGĐTT-PVPYQG ngày 16/4/2024, của P2 tại Tp ., kết luận: Nguyên nhân chết của ông Vũ Minh Đ1 là: Suy đa phủ tạng, toan chuyển hóa nặng, tăng kali máu do đa chấn thương phần mềm nặng, không đáp ứng điều trị.

Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 37/KLVGTT-PVPYQG ngày 08/7/2024 của P2 tại Tp ., kết luận: Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định gây cao su (mẫu vật gửi giám định) có thể gây ra được thương tích bầm, tụ máu hai mông và hai đùi diện rộng rất nặng trên cơ thể của Vũ Minh Đ1.

Quá trình điều tra, Lưu Quang T đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của ông Lưu Ngọc S, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của ông Vũ Minh Đ1 yêu cầu bồi thường theo quy định pháp luật. Lưu Quang T chưa bồi thường.

Về vật chứng:

- 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại, màu sáng, trên mặt trước và sau đồng hồ có ghi chữ “GUESS” đã qua sử dụng (không rõ tình trạng bên trong) của ông Vũ Minh Đ1, được thu giữ tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/3/2024, do Công an huyện L bàn giao.

- 01 cây gậy cao su hình trụ màu đen, chất liệu cao su dẻo, đường kính khoảng 03cm, chiều dài khoảng 51cm, một đầu có lỗ móc dây màu xanh lá cây, do Công an huyện L bàn giao.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 187/2025/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lưu Quang T phạm tội “Dùng nhục hình”.

Căn cứ khoản 4 Điều 373; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Lưu Quang T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 591 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị M1, bà Nguyễn Thị Thanh P, cháu Vũ Đăng K, cháu Vũ Bảo L tiền mai tang phí, tổn thất tinh thần là 341.500.000 đồng (ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại là cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 09/02/2017 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 09/6/2021 do bà Nguyễn Thị Thanh P là người đại diện hợp pháp với mức 6.000.000 đồng/tháng/02 cháu kể từ ngày 22/3/2024 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án theo Biên lai thu số 0000996 ngày 27/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2025, bị cáo Lưu Quang T có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xem xét lại phần trách nhiệm bồi thường dân sự. Việc bị cáo đánh bị hại Đ1 có sự chứng kiến của Điều tra viên Thái Thanh T4, của Kiểm sát viên T4. Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Thái Thanh T4, Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1.

Ngày 21/8/2025, ông Vũ Hoàng P1 là đại diện hợp pháp cho bị hại Vũ Minh Đ1 có kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về phần hình phạt và mức bồi thường dân sự là không thỏa đáng, không tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày kháng cáo đề nghị xem xét việc bị cáo T đánh bị hại Đ1 có sự chứng kiến của Điều tra viên Thái Thanh T4, của Kiểm sát viên T4. Ngoài ra, việc đánh bị hại Đ1 còn có sự tham gia của các cán bộ Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1; việc giúp cùng tay còn lại của bị hại Đ1 có sự tham gia của sinh viên thực tập Lưu Ngọc S; có việc bị hại Đ1 bị cùng hai tay lên cửa sổ, trong đó có một cùng tay lớn để dùng cho người bị án tử hình. Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Thái Thanh T4, Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Ông Vũ Hoàng P1 là đại diện hợp pháp cho bị hại Vũ Minh Đ1 trình bày ngoài việc yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về phần hình phạt và mức bồi thường dân sự là không thỏa đáng, không tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo. Đề nghị xem xét việc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Thái Thanh T4, Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1, Lưu Ngọc S. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo

trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng là anh Lưu Ngọc S, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình làm việc, do ông Đ1 không khai báo về hành vi vi phạm nên bị cáo T đã dùng còng số 8 khóa tay của ông Đ1 lên phía trên cao khung cửa sổ của phòng làm việc; nhiều lần dùng gậy cao su đánh vào nhiều vị trí ở vùng mông, đùi của ông Đ1.

Tại bản Kết quả khám nghiệm tử thi ông Vũ Minh Đ1 phù hợp Kết luận giám định tổn thương cơ thể, Bản kết luận giám định tử thi và nguyên nhân chết của ông Vũ Minh Đ1 cũng như tại Kết luận giám định vật gây thương tích.

Từ những nội dung kết luận nêu trên, thể hiện việc bị cáo Lưu Quang T có hành vi dùng gậy cao su nhiều lần đánh bị hại Vũ Minh Đ1 gây ra các tổn thương phàm mềm, tụ máu hai mông và hai đùi diện rộng rất nặng, gây suy đa phủ tạng; toan chuyển hóa nặng; tăng Kali máu do đa chấn thương phàm mềm nặng; không đáp ứng điều trị là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Dùng nhục hình” là có căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 373 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đối với kháng cáo hủy bản án sơ thẩm để điều tra hành vi của Điều tra viên T4, H, K1, Lưu Ngọc S, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử phúc thẩm đã làm rõ không có dấu hiệu đồng phạm khác tham gia phạm tội cùng bị cáo T.

Đối với ông Bùi Ngọc Đ2 - Phó Thủ Trưởng Cơ quan CSĐT Công an huyện L (cũ) và bà Thái Thanh T4 - Phó Đội trưởng Đội CSHS Công an huyện L (cũ), ngày 17/3/2025, Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã có Kiến nghị số 11/KN-VKSTC-C1(P5), gửi Giám đốc Công an tỉnh Đ để xem xét trách nhiệm của ông Bùi Ngọc Đ2, bà Thái Thanh T4, đồng thời có biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp là phù hợp.

Đối với ông Lưu Ngọc S là sinh viên thực tập chứng kiến toàn bộ sự việc, đã khai báo toàn bộ sự việc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Hành vi của cán bộ H, K1 đã được triệu tập tại phiên tòa phúc thẩm để làm rõ, không có chứng cứ để chứng minh hành vi cũng như động cơ tham gia đánh bị hại Đ1 của cán bộ H, K1.

Về trách nhiệm dân sự, đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của luật sư Trần Văn D bào chữa cho bị cáo:

Yêu cầu của bị cáo T là có cơ sở, cơ quan điều tra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vết thương, vết bầm tại xương ức của bị hại. Quá trình thực nghiệm hiện trường thì phòng được dùng để thực nghiệm không đúng với phòng gây án, căn phòng trống sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng quan sát của ông Lưu Ngọc S. Cơ quan điều tra mới chỉ thực nghiệm việc bị cáo T còng một tay của bị

hại Đ1 vào cửa sổ chứ không phải là còng hai tay của bị hại Đ1 như lời khai ban đầu của ông Lưu Ngọc S và của bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

Thời gian từ khi đưa vào Bệnh viện Đ và bị hại bị ngưng tim cho đến khi tim đập trở lại là hơn 01 tiếng đồng hồ. Tài liệu trong vụ án thể hiện việc chuyển bị hại từ bệnh viện L đến Bệnh viện Chợ R thì sau khi cấp cứu tình trạng của bị hại đã đỡ hơn, việc chuyển tuyến có yêu cầu của bị hại trong khi đó bà P là vợ của bị hại lại đang làm việc với Công an huyện L nên không thể có yêu cầu chuyển tuyến, cơ quan điều tra cũng chưa làm rõ việc này.

Về trách nhiệm dân sự, theo quy định tại Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước thì Công an tỉnh Đ có trách nhiệm bồi thường.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm đề điều tra lại vụ án.

Bị cáo T đồng ý với lời trình bày của Luật sư D, có bổ sung thêm về việc lời khai của ông Lưu Ngọc S là không có căn cứ vì nếu như bị cáo T tháo còng tay của bị hại Đ1 và cho bị hại Đ1 ngồi tại bàn làm việc thì bị hại Đ1 không thể nào dùng tay đâm vào cửa sổ và dùng đầu đập vào cửa sổ.

Ý kiến của luật sư Phạm Công C – bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại:

Bị hại được mời lên làm việc để thu thập tài liệu, chứng cứ để tránh bỏ lọt tội phạm. Khi đến trụ sở Công an huyện L, Điều tra viên T4 đã phân công bị cáo T làm việc với bị hại Đ1. Tuy nhiên, ngay khi vào làm việc, bị cáo T dùng còng số 8 khóa hai tay, dùng gậy cao su đánh bị hại dẫn đến tử vong. Lời khai của bị cáo T, Lưu Ngọc S, Thái Thanh T4, Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1 có nhiều mâu thuẫn, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Điều tra viên T4 được phân công phụ trách chính trong việc điều tra vụ án gây rối trật tự công cộng nên phải chịu trách nhiệm toàn bộ quá trình làm việc với bị hại Đ1. Điều tra viên T4 đã tạo điều kiện cho bị cáo Trung thực hiện hành vi phạm tội bằng cách phân công cán bộ khác làm việc với ông C1 nhằm tách ông C1 sang khu khác để không nghe thấy tiếng kêu của bị hại Đ1 khi bị đánh. Suốt quá trình bị cáo T làm việc với ông Đ1 thì Điều tra viên T4 biết và ngầm đồng ý với việc bị cáo T dùng nhục hình với ông Đ1. Camera hành lang thể hiện Điều tra viên T4 nhiều lần vào phòng số 1 nơi bị cáo T làm việc với ông Đ1, phù hợp với trình bày tại đơn kháng cáo của bị cáo T (BL896) về việc Điều tra viên T4 thấy T sử dụng gậy cao su và chứng kiến T đánh bị hại Đ1. Như vậy, Điều tra viên T4 cũng phạm tội dùng nhục hình với vai trò giúp sức.

Đối với sinh viên thực tập Lưu Ngọc S là người chứng kiến toàn bộ sự việc, giúp sức cho bị cáo Trung thực hiện hành vi phạm tội như khóa cửa, mở khóa cửa phòng số 1, giám sát ông Đ1 và báo cáo lại cho bị cáo T. Ông Lưu Ngọc S đã cùng ông H còng tay ông Đ1 vào cửa sổ. Ông Lưu Ngọc S chứng kiến sự việc nhưng không ngăn cản, sau đó đã khai báo toàn bộ sự việc và không xử lý trách nhiệm hình sự là trái quy định pháp luật.

Đối với hành vi của cán bộ Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1 đã có mặt trong phòng số 1, do đó với diện tích phòng nhỏ thì việc ông H, K1 khai không

biết sự việc bị cáo T đánh ông Đ1 là không đúng sự thật. Lời trình bày tại đơn kháng cáo của bị cáo T (BL897) về việc thấy ông H đang còng tay phải của ông Đ1 vào khung sắt cửa sổ phù hợp với lời khai của ông Lưu Ngọc S về việc ông Đ1 bị còng cả hai tay.

Ngoài ra còn có các dấu vết bầm tím môi dưới bên phải, tụ máu dưới da ngực phải, xương ức và bầm tím trong vùng trung thất, xuất huyết tụ máu trong cơ tim... nhưng chưa được điều tra làm rõ.

Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, ngoài xem xét động cơ phạm tội của T thì việc làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm này là hết sức quan trọng. Một trong những nguyên nhân và điều kiện góp phần dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo là do công tác quản lý công cụ hỗ trợ của Công an huyện L là rất lỏng lẻo. Phải xem xét trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra trong đó có bà T4 là điều tra viên chính trong vụ án này thì việc giải quyết vụ án mới đầy đủ và toàn diện.

Ngoài ra, Thái Thanh T4 thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý công cụ hỗ trợ, quán xuyến quá trình làm việc của bị cáo dẫn đến hậu quả chết người. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại để không bỏ lọt tội phạm.

Ý kiến của luật sư Nguyễn Đình T3 – bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại:

Thông nhất với quan điểm của Luật sư C. Cần làm rõ việc dùng còng khóa tay của Đ1 treo lên cửa sổ là dùng một còng hay hai còng, bởi vì lời khai của Lưu Ngọc S ban đầu là thấy dùng hai còng, các lời khai sau này thì S khai không nhớ, rồi lúc còng tay trái, lúc lại còng tay phải của ông Đ1. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai lại của ông S nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì bị cáo T cũng đã khai lại về việc thấy ông Đ1 có bị còng tay bằng hai còng lên khung cửa sổ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét vấn đề này.

Về vai trò của Điều tra viên Thái Thanh T4 và ông Lưu Ngọc S trong vụ án. Điều tra viên T4 được phân công phụ trách chính trong việc điều tra vụ án gây rối trật tự công cộng nên phải chịu trách nhiệm toàn bộ quá trình làm việc với bị hại Đ1. Điều tra viên T4 cũng phạm tội dùng nhục hình với vai trò giúp sức cho bị cáo T. Điều tra viên T4 luôn theo dõi, chỉ đạo bị cáo T trong việc lấy lời khai của ông Đ1. Đối với Lưu Ngọc S là người chứng kiến toàn bộ sự việc, nhưng không ngăn cản, sau đó đã khai báo toàn bộ sự việc chỉ là đầu thú vì tội phạm không tố giác tội phạm đã hoàn thành.

Về trách nhiệm dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước thì Công an tỉnh Đ có trách nhiệm bồi thường.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Ông Vũ Hoàng P1 trình bày: Ông đã coi camera được trích xuất thấy được có sự kêu gào thảm thiết của bị hại Đ1 nên không thể nói là những người liên quan không thể không biết được. Camera ghi nhận khi có sự kêu gào tại trụ

sở Công an huyện L thì tại các phòng làm việc cùng hành lang với phòng số 1 đã có người mở cửa theo dõi sự việc. Trong vụ án này, bị cáo T cũng là người biết sự việc nên có thể coi bị cáo T là người làm chứng. Do đó, cần có trách nhiệm của những người liên quan đến sự việc, biết mà không ngăn cản, không tố giác tội phạm. Ông Lưu Ngọc S đã thờ ơ với cái chết của bị hại Đ1, ông S có chứng kiến nhưng không ngăn cản nên ở đây có việc bỏ lọt tội phạm đối với ông S.

Ông P1 có tham gia vào việc giải phẫu thi thể của bị hại Vũ Minh Đ1, thấy rõ còn có các dấu hiệu như các dấu vết bầm tím môi dưới bên phải, tụ máu dưới da ngực phải, xương ức và bầm tím trong vùng trung thất, xuất huyết tụ máu trong cơ tim, dấu vết tại cổ tay của bị hại thương tích to nhỏ khác nhau do có thể bị còng bằng hai loại còng tay khác nhau... nhưng chưa được điều tra làm rõ. Trích xuất camera còn cho thấy có việc cán bộ điều tra Nguyễn Văn K1 có mang một cái hộp có chứa còng tay nhưng chưa được làm rõ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải. Mong Hội đồng xét xử xem xét làm rõ các tình tiết của vụ án mà bị cáo đã khai báo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Lưu Quang T, đại diện hợp pháp cho bị hại có kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của đại diện hợp pháp cho bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Bị cáo Lưu Quang T là Điều tra viên Đ4 Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai, được phân công thụ lý vụ án “Gây rối trật tự công cộng” xảy ra vào ngày 07/10/2023 tại quán K2 thuộc ấp E, xã A, huyện L (nay là xã A), tỉnh Đồng Nai. Ngày 23/02/2024, tại phòng số 01, Đ4, Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai, Trung trực tiếp làm việc, ghi lời khai của ông Vũ Minh Đ1 là đối tượng liên quan trong vụ án. Quá trình làm việc, do ông Đ1 không khai báo về hành vi vi phạm nên T đã dùng còng số 8 khóa tay của ông Đ1 lên phía trên cao khung cửa sổ của phòng làm việc; nhiều lần dùng gậy cao su đánh vào nhiều vị trí ở vùng hông, đùi của ông Đ1.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với bản Kết quả khám nghiệm tử thi ông Vũ Minh Đ1; phù hợp Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 26/KLTgTHS-PVPYQG ngày 27/5/2024 của P2 tại Tp ., kết luận: *Tổn thương của ông Vũ Minh Đ1, xây sát, bầm tím nhiều nơi trên cơ thể, chấn thương phần mềm, bầm, tụ máu hai hông và hai đùi diện rộng rất nặng, bầm tụ*

máu dưới da ngực phải và xương ức, bầm tím vùng trung thất, xuất huyết tụ máu trong cơ tim và mô kẽ...

...Các tổn thương phần mềm, bầm, tụ máu hai mông và hai đùi diện rộng rất nặng là những tổn thương chính góp phần gây tử vong...

Cơ chế và thời gian hình thành các vết xây xát và các vết xuất huyết, bầm tụ máu: Do vật tày tác động theo kiểu cọ xát trực tiếp gây nên.... hình thành trước 13 giờ 15 phút ngày 22/3/2024, khoảng thời gian trong vòng 06 giờ.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 02/KLGĐTT-PVPYQG ngày 16/4/2024, của P2 tại Tp ., kết luận: Nguyên nhân chết của anh Vũ Minh Đ1 là: *Suy đa phủ tạng, toan chuyển hóa nặng, tăng kali máu do đa chấn thương phần mềm nặng, không đáp ứng điều trị.*

Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 37/KLVGTT-PVPYQG ngày 08/7/2024 của P2 tại Tp ., kết luận: *Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định gây cao su (mẫu vật gửi giám định) có thể gây ra được thương tích bầm, tụ máu hai mông và hai đùi diện rộng rất nặng trên cơ thể của Vũ Minh Đ1.*

Từ những nội dung kết luận nêu trên, thể hiện bị cáo Lưu Quang T có hành vi dùng gây cao su nhiều lần đánh bị hại Vũ Minh Đ1 gây ra các tổn thương phần mềm, tụ máu hai mông và hai đùi diện rộng rất nặng là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Dùng nhục hình”, tội danh và hình phạt hoàn toàn phù hợp với điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Hành vi của bị cáo Lưu Quang T gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ bị cáo T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là người có trình độ học vấn, đã được đào tạo qua các lớp nghiệp vụ điều tra, biết rõ quy trình điều tra, lấy lời khai trong hoạt động tố tụng nhưng đã dùng các biện pháp nghiệp vụ trái pháp luật. Bị cáo đã dùng chiếc khoá số 8 còng cổ tay trái của ông Đ1 lên trên cao của song cửa sổ, dùng gây cao su đánh nhiều lần vào vùng đùi, mông của ông Đ1, theo hướng để gây nằm ngang, từ sau ra trước. Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, thấy ông Đ1 nghiêng người về bên trái rồi ngất xỉu, T chạy đến ôm giữ và gọi ông S giúp. T đưa chìa khoá để ông S mở còng số 8; sau đó, ôm ông Đ1 đặt nằm dựa vào bờ tường gần cửa ra vào và đi ra ngoài tìm người hỗ trợ đưa ông Đ1 đi cấp cứu. Ông Đ1 được đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện L rồi được chuyển lên Bệnh viện C2, TP Hồ Chí Minh để cấp cứu, đến 23 giờ 15 phút cùng ngày thì tử vong.

Hành vi của bị cáo Lưu Quang T gây ra là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng là khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã khiến bị hại Vũ Minh Đ1 tử vong, gây đau khổ cho gia đình nạn nhân. Hành vi của bị cáo không chỉ làm suy giảm lòng tin của người dân với các cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn gây bức xúc, bất bình trong quần chúng nhân dân. Với việc dùng nhục hình khiến bị hại chết, bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung “phạm tội làm người bị nhục hình chết”

theo quy định tại khoản 4 Điều 373 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Lưu Quang T mức án thật nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[2.2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lưu Quang T đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Quá trình công tác, bị cáo được tặng nhiều giấy khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trước khi xét xử, bị cáo đã tác động đến gia đình để nộp số tiền 200.000.000 đồng bồi thường cho gia đình bị hại, khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Về hình phạt:

Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[2.4]. Về lời khai mới của bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngoài việc thừa nhận bị cáo T có hành vi dùng gậy cao su đánh bị hại Đ1 trong thời gian bị cáo T làm việc với ông Đ1 tại trụ sở Công an huyện L. Bị cáo T còn trình bày, đề nghị xem xét việc bị cáo T đánh bị hại Đ1 có sự chứng kiến của Điều tra viên Thái Thanh T4, của Kiểm sát viên Xuân T6. Ngoài ra, việc đánh bị hại Đ1 còn có sự tham gia của các cán bộ Nguyễn Văn K1; việc giúp còng tay còn lại của bị hại Đ1 có sự tham gia của cán bộ Trần Bùi Thế H, của sinh viên thực tập Lưu Ngọc S; có việc bị hại Đ1 bị còng hai tay lên cửa sổ, trong đó có một còng tay lớn để dùng cho người bị án tử hình.

Ngoài ra, bị cáo T nhận tội một mình phạm tội tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm là do có sự tác động của Thượng tá Hà Văn B - Phó Trưởng Công an huyện L. Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Thái Thanh T4, Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ngoài những lời khai nêu trên của bị cáo tại phiên tòa, không có xuất trình thêm được các chứng cứ chứng minh lời khai nêu trên.

Bà Thái Thanh T4 - Phó Đội trưởng Đội CSHS Công an huyện L (cũ), đã được triệu tập tại phiên tòa phúc thẩm để làm rõ, tại phiên tòa phúc thẩm trình bày bà là người ký giấy triệu tập ông Đ1 lên làm việc, tuy nhiên việc lấy lời khai của ông Đ1 hoàn toàn do bị cáo T chủ động, bà T4 không tham gia, không giám sát chỉ đạo việc bị cáo T lấy lời khai của ông Đ1. Việc bà T4 có vào phòng số 1 do đây là phòng làm việc chung của nhiều người, trong đó có bà T4. Sau khi sự việc xảy ra, bà Thái Thanh T4 có báo cáo sự việc cho ông Bùi Ngọc Đ2. Điều này cũng phù hợp với lời khai của bị cáo T ngày 07/10/2024 về việc bị cáo T

đánh ông Đ1 không có ai chỉ đạo, là do bị cáo bộc phát (BL71) và lời khai của bị cáo T ngày 09/10/2024 về việc chưa có báo cáo cho Điều tra viên T4 do T4 rất bận (BL75).

Đối với ông Lưu Ngọc S là sinh viên thực tập chứng kiến toàn bộ sự việc, đã được triệu tập tại phiên tòa phúc thẩm để làm rõ không có chứng cứ chứng minh việc ông S tham gia giúp sức trong việc còng tay bị hại Đ1. Ngoài ra, ông S đã khai báo kịp thời toàn bộ sự việc với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về toàn bộ nội dung vụ việc.

Các ông Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1 đã được triệu tập tại phiên tòa phúc thẩm để làm rõ. Ông H, ông K1 không được phân công tham gia vụ án, ông H vào phòng số 1 do đây là phòng làm việc chung để kiểm tra hồ sơ của ông H, ông K1 vào phòng số 1 để trao đổi công việc liên quan đến ông H; không có chứng cứ để chứng minh hành vi cũng như động cơ tham gia đánh bị hại Đ1 của cán bộ H, K1. Trích xuất camera cho thấy có việc cán bộ điều tra Nguyễn Văn K1 có mang một cái hộp có chứa còng tay, tại phiên tòa phúc thẩm thì ông K1 cũng khai nhận việc mang còng lên phòng là để buổi chiều dùng trong một vụ án khác, không có chứng cứ chứng minh việc dùng còng tay ông K1 mang lên dùng để còng tay ông Đ1.

[2.5]. Hành vi của những người liên quan:

- Đối với ông Bùi Ngọc Đ2 - Phó Thủ Trưởng Cơ quan CSĐT Công an huyện L (cũ) và bà Thái Thanh T4 - Phó Đội trưởng Đội CSHS Công an huyện L (cũ), đồng thời cũng là Điều tra viên chính trong vụ án đã thiếu kiểm tra, theo dõi nắm bắt kịp thời diễn biến quá trình T làm việc với ông Vũ Minh Đ1, để xảy ra sự việc Điều tra viên dùng nhục hình dẫn đến hậu quả chết người. Hành vi của ông Đ2, bà T4 đã vi phạm điểm k, khoản 11 Mục II, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2022/TT-BCA ngày 14/10/2022 của Bộ C3, quy định về việc xử lý kỷ luật trong Công an nhân dân. Ngày 17/3/2025, Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã có Kiến nghị số 11/KN-VKSTC-C1(P5), gửi Giám đốc Công an tỉnh Đ để xem xét trách nhiệm của ông Bùi Ngọc Đ2, bà Thái Thanh T4, đồng thời có biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp là phù hợp.

- Đối với ông Lưu Ngọc S, sinh viên thực tập tại Công an huyện L (cũ), trong lúc chờ được phân công nhiệm vụ, chứng kiến toàn bộ sự việc T có hành vi dùng nhục hình đối với ông Đ1 nhưng không can ngăn. Tuy nhiên, sau đó ông Lưu Ngọc S đã khai báo kịp thời toàn bộ sự việc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với Hành vi của cán bộ Trần Bùi Thế H, Nguyễn Văn K1 đã được triệu tập tại phiên tòa phúc thẩm để làm rõ, không có chứng cứ để chứng minh hành vi cũng như động cơ tham gia đánh bị hại Đ1 của cán bộ H, K1.

[2.6]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, gia đình bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường những khoản sau:

- Chi phí mai táng 107.500.000 đồng.
- Tổn thất tinh thần bằng 100 lần mức lương cơ sở là 234.000.000 đồng.
- Tiền cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại gồm cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 09/02/2017; cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 09/6/2021 với mức cấp dưỡng 4.960.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, nhưng đề nghị cấp dưỡng một lần. Tiền cấp dưỡng đối với cháu K tổng cộng là 647.776.000 đồng, tiền cấp dưỡng đối với cháu L là 905.696.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lưu Quang T đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại chi phí mai táng là 107.500.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 234.000.000 đồng. Bị cáo cũng đồng ý cấp dưỡng cho 02 con của bị hại nhưng không đồng ý với mức cấp dưỡng do gia đình bị hại đưa ra và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định để quyết định mức cấp dưỡng cụ thể.

Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định việc gia đình bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường và bị cáo T cũng đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại chi phí mai táng là 107.500.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 234.000.000 đồng. Việc bị cáo đồng ý bồi thường tiền chi phí mai táng, tổn thất tinh thần theo yêu cầu của gia đình bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Riêng khoản cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại đến khi trưởng thành thì Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và Nghị định 74/2024/NĐ-CP Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 128/2025/NĐ-CP Phụ lục từ ngày 01/7/2025, mức lương tối thiểu vùng tại xã A, tỉnh Đồng Nai là 4.960.000 đồng/tháng để buộc bị cáo Lưu Quang T phải cấp dưỡng nuôi 02 con của ông Vũ Minh Đ1 với mức 6.000.000 đồng/tháng/02 cháu kể từ ngày 22/3/2024 và buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi 02 con của ông Vũ Minh Đ1 theo tháng là phù hợp.

Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử bị cáo Lưu Quang T về tội danh và khung hình phạt, trách nhiệm dân sự nêu trên là có căn cứ và đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T, đại diện hợp pháp cho bị hại có kháng cáo nhưng cũng không xuất trình thêm được chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[3]. Quan điểm của Kiểm sát viên được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lưu Quang T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Quang T, của đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Vũ Hoàng P1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 187/2025/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên bố bị cáo Lưu Quang T phạm tội “Dùng nhục hình”.

Xử phạt bị cáo Lưu Quang T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 591 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị M1, bà Nguyễn Thị Thanh P, cháu Vũ Đăng K, cháu Vũ Bảo L tiền mai tang phí, tổn thất tinh thần là 341.500.000 đồng (ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại là cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 09/02/2017 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 09/6/2021 do bà Nguyễn Thị Thanh P là người đại diện hợp pháp với mức 6.000.000 đồng/tháng/02 cháu kể từ ngày 22/3/2024 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án theo Biên lai thu số 0000996 ngày 27/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lưu Quang T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam số 01 CA. tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Bị cáo (Trại giam tổng đạt)
- Lưu: HS, VP (TVN).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt